*Tiết: 15,16*

*Ngày soạn:…/…/…*

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Hoá học; lớp: 10

*Thời gian thực hiện: 01 tiết (45 phút)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực hóa học***

*1.1.1. Nhận thức hóa học*

(1) Nêu được đối tượng nghiên cứu của hoá học.

(2) Trình bày được phương pháp học tập và nghiên cứu hoá học.

(3) Nêu được vai trò của hoá học đối với đời sống, sản xuất,...

*1.1.4. Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học*

(4) Vận dụng được kiến thức để giải thích các hiện tượng xảy ra trong thực tiễn.

(5) vận dụng các cách học tập, nghiên cứu, đưa ra các giả thuyết khoa học, chứng minh bằng thí nghiệm, phân tích kết quả thí nghiệm, trình bày kết quả thu được và báo cáo.

***1.2. Năng lực chung***

*(6)Năng lực tự chủ tự học:*

**-** Tự hệ thống hoá kiến thức chương và giải các bài tập.

- Tự đề xuất phương pháp học tập và nghiên cứu hóa học.

**2. Phẩm chất**

*(7)* Trung thực: Say mê, hứng thú, tự chủ trong học tập; trung thực; yêu khoa học.

(8) Chăm chỉ: Tích cực xây dựng bài, có trách nhiệm, chủ động chiếm lĩnh kiến thức theo sự hướng dẫn của GV.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

**-** Làm các slide trình chiếu, giáo án.

**-** Máy tính, trình chiếu Powerpoint.

**-** Phiếu học tập, nhiệm vụ cho các nhóm.

**2. Học sinh**:

**-** Chuẩn bị theo các yêu cầu của GV.

**-** Tập lịch cũ cỡ lớn hoặc bảng hoạt động nhóm

**-** Bút mực viết bảng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Huy động kiến thức của học sinh để cũng cố và hoàn thiến kiến thức đã học,tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới hơn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS chới chò trơi

**c) Sản phẩm:** Thông qua trả lời của học sinh giáo viên kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của học sinh và có biện pháp hỗ trợ hợp lí.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Tái hiện lại các kiến thức đã học

**-** Hoạt động ở nhà: Hướng dẫn học sinh ôn lại các kiến thức đã học

**-** Hoạt động ở lớp: Giải các bài tập trong phiếu học tập số 1

**GV vào bài** : Việc hệ thống kiến thức và vận dụng kiến thức này vào tính toán để giải các bài toán hóa học rất quan trọng . Hôm nay chúng ta cùng nhau nghiên cứu bài luyện tập để thấy rõ vấn đề này.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

**-** Làm các slide trình chiếu, giáo án.

**-** Máy tính, trình chiếu Powerpoint.

**-** Phiếu học tập, nhiệm vụ cho các nhóm.

**2. Học sinh (HS)**

**-** Chuẩn bị theo các yêu cầu của GV.

**-** Tập lịch cũ cỡ lớn hoặc bảng hoạt động nhóm.

**-** Bút mực viết bảng.

**III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Huy động kiến thức của học sinh để cũng cố và hoàn thiến kiến thức đã học,tạo nhu cầu tiếp tục tìm hiểu kiến thức mới hơn.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS chới chò trơi

**c) Sản phẩm:** Thông qua trả lời của học sinh giáo viên kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của học sinh và có biện pháp hỗ trợ hợp lí.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Tái hiện lại các kiến thức đã học

**-** Hoạt động ở nhà: Hướng dẫn học sinh ôn lại các kiến thức đã học

**-** Hoạt động ở lớp: Giải các bài tập trong phiếu học tập số 1

**GV vào bài** : Việc hệ thống kiến thức và vận dụng kiến thức này vào tính toán để giải các bài toán hóa học rất quan trọng . Hôm nay chúng ta cùng nhau nghiên cứu bài luyện tập để thấy rõ vấn đề này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động 1: Hệ thống kiến thức cần nắm**  **a) Mục tiêu:**  + Học sinh nhớ lại cấu tạo vỏ nguyên tử  + HS viết được cấu hình electron nguyên tử  **b) Nội dung:** Trực quan, cả lớp làm việc với tài liệu, sách giáo khoa, tương tác với các câu hỏi vấn đáp tìm tòi của giáo viên, hoạt động nhóm, cá nhân.  **c) Sản phẩm:** các nhóm hoàn thành  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Nghiên cứu tài liệu, hoạt động nhóm .  + Hoạt động cá nhân: Nghiên cứu lại SGK Hóa 10.  + Hoạt động nhóm: Hoàn thành tóm tắt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm hoàn thành các phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trong phiếu học tập  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | Hệ thống kiến thức cần nắm |
| **Hoạt động 2: Bài tập tổng hợp lý thuyết**  **a) Mục tiêu:**  Rèn luyện kỹ năng tái hiện kiến thức đã học  Rèn luyện năng lực tự học, năng lực hợp tác của học sinh.  **b) Nội dung:** Trực quan, cả lớp làm việc với tài liệu, sách giáo khoa, tương tác với các câu hỏi vấn đáp tìm tòi của giáo viên, hoạt động nhóm, cá nhân.  **c) Sản phẩm:** PHT số 2  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, kĩ thuật tia chớp  GV yêu cầu cá nhân và các nhóm thực hiện PHT số 2  Hoạt động cá nhân: Thực hiện các bài tập với mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng thấp  **-**Hoạt động nhóm: Thảo luận, hoàn thành các bài tập vận dụng cao  **-**Hoạt động cả lớp: Đại diện nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác chia sẻ thêm thông tin.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm hoàn thành các phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trong phiếu học tập  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | PHT số 2 |
| **Hoạt động 3: Cấu hình electron nguyên tử**  **a) Mục tiêu:**  **-**HS viết được cấu hình electron nguyên tử  **-**Rèn luyện năng lực quan sát và tính toán của học sinh  **-**Rèn luyện năng lực tự học, năng lực hợp tác của học sinh  **b) Nội dung:** Trực quan, cả lớp làm việc với tài liệu, sách giáo khoa, tương tác với các câu hỏi vấn đáp tìm tòi của giáo viên, hoạt động nhóm, cá nhân.  **c) Sản phẩm:** HS thực hiện và ghi vào vở  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tự nghiên cứu tài liệu, hoạt động nhóm,  **-** Hoạt động cá nhân: Tìm tòi các dạng bài tập về khối lượng nguyên tử, số hạt p,n,e  **-**Hoạt động nhóm: Thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 3  + Thảo luận hoàn thành phiếu học tập số 3  **-**Hoạt động cả lớp: Đại diện các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác chia sẻ thêm thông tin.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm hoàn thành các phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** GV gọi đại diện các nhóm trả lời câu hỏi trong phiếu học tập  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | phiếu học tập số 3 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học

Rèn luyện kĩ năng kĩ năng tính toán, kĩ năng giải nhanh các bài tập trắc nghiệm.

**b) Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** HS thực hiện và ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

HS giải quyết các câu hỏi và bài tập phiếu học tập số 5

HS làm việc theo nhóm, 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, chỉnh sửa nếu có. (Nếu không kịp giờ cho HS về nhà làm tiếp.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

Thông qua các câu hỏi bài tập về nhà nhằm mục đích:

Giúp cho học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để giải quyết các câu hỏi, bài tập nâng cao và kiến thức

cho học sinh.

Khuyến khích, động viên học sinh tham gia để chia sẻ kết quả học tập qua đó học sinh khá, giỏi có điều kiện giúp đỡ học sinh yếu kém.

**b) Nội dung:** Dạy học trên lớp, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Phần trả lời các bài tập về nhà, các tư liệu tìm kiếm trên Internet.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Giao bài tập cho cá nhân hoặc nhóm học sinh thực hiện các bài tập câu hỏi về nhà.

Học sinh đọc sách giáo khoa, liên hệ thực tế cuộc sống, tìm kiếm tư liệu trên mạng internet để trả lời các bài tập câu hỏi được giao.

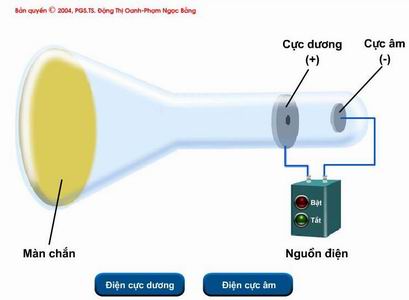
Giáo viên có thể mời một số học sinh lên trình bày kết quả trong các tiết học tiếp theo.

Học sinh góp ý bổ sung, giáo viên hoàn thiện câu trả lời.

**IV. CÂU HỎI/BÀI TẬP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

(Có đề cương ôn tập thống nhất toàn nhóm hóa phô tô cho học sinh)

**Câu 1.** Hình vẽ sau mô tả thí nghiệm tìm ra một hạt cấu tạo nên nguyên tử.



Đó là:

**A.** Thí nghiệm tìm ra electron. **B.** Thí nghiệm tìm ra nơtron.

**C.** Thí nghiệm tìm ra proton. **D.** Thí nghiệm tìm ra hạt nhân.

**Câu 2.** Các hạt cấu tạo nên hầu hết các hạt nhân nguyên tử là

**A.** Electron và nơtron. **B.** Electron và proton.

**C.** Nơtron và proton. **D.** Electron, nơtron và proton.

**Câu 3.** Các hạt cấu tạo nên hầu hết các nguyên tử là

**A.** Nơtron và proton. **B.** Electron, nơtron và proton.

**C.** Electron và proton. **D.** Electron và nơtron.

**Câu 4.** Trong nguyên tử, hạt mang điện là

**A.** electron. **B.** electron và nơtron.

**C.** proton và nơtron. **D.** proton và electron.

**Câu 5.** Hạt mang điện trong nhân nguyên tử là:

**A.** electron. **B.** Proton. **C.** Nơtron. **D.** proton và nơtron.

**Câu 6.** So sánh khối lượng của electron với khối lượng hạt nhân nguyên tử, nhận định nào sau đây là đúng ?

**A.** Khối lượng electron bằng khoảng khối lượng của hạt nhân nguyên tử.



**B.** Khối lượng electron bằng khối lượng của nơtron trong hạt nhân.

**C.** Khối lượng electron bằng khối lượng của proton trong hạt nhân.

**D.** Khối lượng của electron nhỏ hơn rất nhiều so với khối lượng của hạt nhân nguyên tử, do đó, có thể bỏ qua trong các phép tính gần đúng.

**Câu 7.** Trong nguyên tử, quan hệ giữa số hạt electron và proton là

**A.** Bằng nhau. **B.** Số hạt electron lớn hơn số hạt proton.

**C.** Số hạt electron nhỏ hơn số hạt proton. **D.** Không thể so sánh được các hạt này.

**Câu 8.** Trong nguyên tử, loại hạt nào có khối lượng không đáng kể so với các hạt còn lại ?

**A.** proton. **B.** Nơtron. **C.** Electron. **D.** nơtron và electron.

**Câu 9.** Nguyên tố hóa học là tập hợp các nguyên tử có cùng

**A.** số khối. **B.** điện tích hạt nhân.

**C.** số electron. **D.** tổng số proton và nơtron.

**Câu 10.** Chọn định nghĩa **đúng** về đồng vị :

**A.** Đồng vị là những nguyên tố có cùng số khối.

**B.** Đồng vị là những nguyên tố có cùng điện tích hạt nhân.

**C.** Đồng vị là những nguyên tử có cùng điện tích hạt nhân và cùng số khối.

**D.** Đồng vị là những nguyên tử có cùng số proton, khác nhau số nơtron.

**Câu 11.** Số electron tối đa chứa trong các phân lớp s, p, d, f lần lượt là:

**A.** 2, 6, 8, 18. **B.** 2, 8, 18, 32. **C.** 2, 4, 6, 8. **D.** 2, 6, 10, 14.

**Câu 12.** Phân lớp d đầy điện tử (bão hòa) khi có số electron là

**A.** 5. **B.** 10. **C.** 6. **D.** 14.

**Câu 13.** Trong nguyên tử, electron hóa trị là các electron

**A.** độc thân.  **B.** ở phân lớp ngoài cùng.

**C.** ở obitan ngoài cùng.

**D.** có khả năng tham gia hình thành liên kết hóa học

**Câu 14.** Cấu hình electron của nguyên tử nguyên tố X là 1s22s22p63s23p64s1. Số hiệu nguyên tử của X là

**A.** 20. **B.** 19. **C.** 39. **D.** 18.

**Câu 15.** Một đồng vị của nguyên tử photpho là . Nguyên tử này có số electron là:



**A.** 32. **B.** 17. **C.** 15. **D.** 47.

**Câu 16.** Số khối của nguyên tử bằng tổng

**A.** số p và n. **B.** số p và e. **C.** số n, e và p. **D.** số điện tích hạt nhân.

**CHƯƠNG 2:** **BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC VÀ ĐỊNH LUẬT TUẦN HOÀN**

**Câu 17.** Số thứ tự ô nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn bằng:

**A.** Số hiệu nguyên tử. **B.** Số khối.

**C.** Số nơtron. **D.** Số electron hóa trị.

**Câu 18.** Trong bảng hệ thống tuần hoàn, số thứ tự của chu kỳ bằng:

**A.** số electron hoá trị. **B.** số lớp electron.

**C.** số electron lớp ngoài cùng. **D.** số hiệu nguyên tử.

**Câu 19.** Các nguyên tố thuộc cùng một nhóm A trong bảng tuần hoàn sẽ có cùng:

**A.** Số electron lớp ngoài cùng. **B.** Số hiệu nguyên tử.

**C.** Số lớp electron. **D.** Số khối.

**Câu 20.** Nhóm nguyên tố là tập hợp các nguyên tố mà nguyên tử của nó có cùng :

**A.** Số electron. **B.** Số electron hóa trị.

**C.** Số lớp electron. **D.** Số electron ở lớp ngoài cùng.

**Câu 21.** Trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học, số chu kì nhỏ và chu kì lớn là:

**A.** 3 và 3. **B.** 4 và 3. **C.** 3 và 4. **D.** 4 và 4.

**Câu 22.** Nguyên tử của nguyên tố thuộc nhóm nào sau đây không có xu hướng nhường cũng như nhận electron?

**A.** Nhóm kim loại kiềm. **B.** Nhóm halogen.

**C.** Nhóm kim loại kiềm thổ. **D.** Nhóm khí hiếm.

**Câu 23.** Tính chất hóa học đặc trưng của các nguyên tố nhóm IA (trừ Hidro) là:

**A.** phi kim. **B.** á kim. **C.** kim loại. **D.** khí hiếm.

**Câu 24.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

**A.** Bảng tuần hoàn gồm có các ô nguyên tố, các chu kì và các nhóm.

**B.** Chu kì là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron, được sắp xếp theo chiều điện tích hạt nhân tăng dần.

**C.** Bảng tuần hoàn có 7 chu kì, số thứ tự của chu kì bằng số phân lớp electron trong nguyên tử.

**D.** Bảng tuần hoàn có 8 nhóm A và 8 nhóm B.

**Câu 25.** Đại lượng đặc trưng cho khả năng hút electron của nguyên tử các nguyên tố khi hình thành liên kết hoá học là:

**A.** Tính kim loại. **B.** Tính phi kim.

**C.** Điện tích hạt nhân. **D.** Độ âm điện.

**Câu 26.** Số nguyên tố hóa học thuộc chu kì 5 trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

**A.** 8. **B.** 32. **C.** 18. **D.** 16.

**Câu 27.** Trong 1 chu kì, bán kính nguyên tử các nguyên tố:

**A.** Tăng theo chiều tăng của điện tích hạt nhân.

**B.** Giảm theo chiều tăng của điện tích hạt nhân.

**C.** Tăng theo chiều tăng của tính phi kim.

**D.** Giảm theo chiều tăng của tính kim loại.

**Câu 28.** Trong một chu kì nhỏ, đi từ trái sang phải thì hoá trị cao nhất của các nguyên tố trong hợp chất với oxi

**A.** tăng lần lượt từ 1 đến 4. **B.** giảm lần lượt từ 4 xuống 1.

**C.** tăng lần lượt từ 1 đến 7. **D.** tăng lần lượt từ 1 đến 8.

**Câu 29.** Số nguyên tố hóa học thuộc chu kì 4 trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

**A.** 8. **B.** 32. **C.** 18. **D.** 16.

**Câu 30.** Số nguyên tố hóa học thuộc chu kì 3 trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

**A.** 8. **B.** 32. **C.** 18. **D.** 16.

**Câu 31.** Số nguyên tố hóa học thuộc chu kì 2 trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là:

**A.** 8. **B.** 32. **C.** 18. **D.** 16.